

Bản án số: 28/2017/HSST

Ngày: 27/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Đặng Hoàng Tân

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Nhung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khắc Phiên – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2017/HS-ST ngày 01 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Phạm Thị Bích P (L), sinh năm 1972

ĐKTT và chỗ ở: 295C khu phố B, phường M, Tp. B, tỉnh Bến Tre.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa: 10/12;

Nghề nghiệp: Buôn bán;

Cha: Phạm Công T (đã chết) ; Mẹ: Lê Thị Th, sinh năm 1951.

Có 06 em, lớn nhất sinh năm 1974, nhỏ nhất sinh năm 1985.

Chồng: Không có.

Có 02 con ngoài giá thú, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 1999.

Quá trình hoạt động: Lúc nhỏ sinh sống với cha mẹ và học văn hóa hết lớp 10 thì nghỉ học phụ giúp gia đình tại ấp PT, xã TT (C - Bến Tre), lớn lên sống bằng nghề buôn bán tại thành phố B, tỉnh Bến Tre. Năm 2015 đến xã X (B – Bến Tre) mở quán kinh doanh cho đến ngày phạm tội.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/9/2017.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Phạm Thị Bích T, sinh năm 1975 (có mặt)

ĐKTT: ấp P, xã TT, huyện C, tỉnh Bến Tre

Chỗ ở: ấp TA, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre

2. Nguyễn Thị C, sinh năm 1987 (có mặt)

ĐKTT: ấp H, xã A, huyện MB, tỉnh Bến Tre.

Chỗ ở: ấp TA, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre

** Người làm chứng:*

1. Trần Quang A, sinh năm 1979 (vắng mặt)

ĐKTT: ấp C, xã P, huyện NT, tỉnh Đồng Nai

Chỗ ở: ấp P, xã PH, Tp. B, tỉnh Bến Tre

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã BH, huyện G, tỉnh Bến Tre

3. Lê Văn H, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp T, xã BH, huyện G, tỉnh Bến Tre

NHẬN THẤY:

Bị cáo Phạm Thị Bích P bị Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào năm 2015, Phạm Thị Bích P từ thành phố B, tỉnh Bến Tre xuống ấp TA, xã X, huyện B, tỉnh Bến Tre thuê đất mở quán ăn uống sân vườn “Mai Vàng”, nhưng do kinh doanh gặp khó khăn nên P câu khách và kiếm thêm thu nhập bằng cách bán dâm và chứa mại dâm.

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30/6/2017, Trần Quang A - sinh năm 1979 - ĐKTT ấp C, xã P, huyện NT, tỉnh Đồng Nai cùng với Lê Văn H - sinh năm 1979 và Nguyễn Văn B - sinh năm 1987 cùng ngụ ấp T, xã BH, huyện G, tỉnh Bến Tre đến quán Mai Vàng để uống rượu và tìm gái mua dâm thì được P và Phạm Thị Bích T - sinh năm 1975 (em ruột P) tiếp. Trong lúc uống rượu, P và A thỏa thuận giá mua bán dâm tại quán mỗi người là 300.000 đồng. Do không đủ tiếp viên và theo yêu cầu của A, P mượn chiếc điện thoại di động của T có lưu số điện thoại của Nguyễn Thị C - sinh năm 1987 điện thoại cho C đến quán Mai Vàng phụ tiếp khách nên A boa cho P và T mỗi người 100.000 đồng. Sau khi nhận của A 400.000 đồng tiền nhậu và 900.000 đồng tiền mua dâm của A, B, H; P đồng ý cho T và C vào phòng ngủ của P bán dâm. Sau đó, T và B vào phòng mua bán dâm xong rồi trở ra, C và A tiếp tục vào phòng mua bán dâm thì bị lực lượng Công an ập vào bắt quả tang.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- Tiền Việt Nam 1.100.000 đồng; 01 ĐTDĐ hiệu NOKIA màu đen cùng 02 sim số 01655952438 và 0869106469; 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55G800689 của Phạm Thị Bích P.

- 01 điện thoại hiệu VIVO cùng sim số 0903086490, tiền Việt Nam 100.000 đồng của Phạm Thị Bích T.

- 01 điện thoại hiệu Iphone cùng sim số 01657442118, tiền Việt Nam 300.000 đồng của Nguyễn Thị C.

- 02 vỏ bao cao su đã xé hiệu SURE, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 bao cao su còn nguyên hiệu SURE trong phòng ngủ của Phạm Thị Bích P.

Tại bản Cáo trạng số 28/KSĐT - TA ngày 30/10/2017, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Phạm Thị Bích P về tội: “*Chứa mại dâm*” theo điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phạm Thị Bích P đã khai nhận toàn bộ hành vi sử dụng phòng ngủ tại quán Mai Vàng do P làm chủ chứa hai cặp nam nữ mua bán dâm là Nguyễn Văn B, Phạm Thị Bích T và Trần Quang A, Nguyễn Thị C. Trong đó, B và T đã thực hiện xong việc mua bán dâm, còn A và C đang thực hiện thì bị bắt quả tang với thời gian mỗi cặp thực hiện hành vi mua bán dâm cách nhau khoảng 05 phút. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan,

người làm chứng, vật chứng thu giữ và phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến đối với số vật chứng đã bị tạm giữ, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố thay đổi nội dung quyết định của cáo trạng. Căn cứ điểm 4.2 khoản 4 Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao truy tố bị cáo P về tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự, đồng thời đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 1 Điều 254; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bích P từ 02 (Hai) năm đến 03 (Ba) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; đề nghị

- + Tịch thu sung quỹ Nhà nước 700.000 đồng đã thu giữ của bị cáo và 300.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Thị C do đây là tiền A trả cho P, C để mua bán dâm P và T. Tịch thu sung quỹ nhà nước 100.000 đồng đã thu giữ của Phạm Thị Bích T.

- + Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone cùng sim số 01657442118 của Nguyễn Thị C.

- + Trả lại cho T 01 điện thoại di động hiệu VIVO cùng sim số 0903086490 của Phạm Thị Bích T.

- + Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su đã xé hiệu SURE, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 bao cao su còn nguyên hiệu SURE.

- + Tiếp tục tạm giữ 400.000 đồng mà A đã trả cho P để thanh toán tiền nhậu, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen cùng 02 sim số 01655952438 và 0869106469 của Phạm Thị Bích P để đảm bảo thi hành án cho phần án phí.

- + Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55G800689.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn

diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY :

Tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai nhận của bị cáo Phạm Thị Bích P là phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, Phạm Thị Bích P có hành vi sử dụng phòng ngủ trong quán Mai Vàng do mình làm chủ chứa hai cặp nam nữ mua bán dâm với khoảng thời gian mỗi cặp thực hiện hành vi mua bán dâm cách nhau khoảng 05 phút và bị bắt quả tang vào lúc 14 giờ 50 phút ngày 30/6/2017 tại ấp TA, xã X (B – Bến Tre).

Hành vi chứa mại dâm của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người trưởng thành và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo biết rõ hành vi chứa mại dâm là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ tư lợi bất chính, bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra.

Hành vi của bị cáo là tiền đề gây nên nhiều hệ lụy xấu trong xã hội, giúp cho các hoạt động mại dâm có điều kiện phát triển, làm gia tăng nguy cơ lây nhiễm các bệnh qua đường tình dục, nhiều gia đình tan nát, hạnh phúc vợ chồng đổ vỡ, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội, đi ngược lại đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc ta. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và phải xử lý thật nghiêm bằng biện pháp cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời góp phần chung vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương trước thực trạng loại tội phạm về lĩnh vực này ngày một gia tăng gây bức xúc, bất bình trong nhân dân.

Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri đã truy tố bị cáo Phạm Thị Bích P về tội “chứa mại dâm” là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tuy tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố thay đổi quyết định truy tố của cáo trạng truy tố bị cáo P về tội “*Chứa mại dâm*” theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự. HĐXX xét thấy trong vụ án này, tuy A là người trực tiếp đề nghị và đưa cho bị cáo tổng cộng 900.000 đồng để trả tiền

mua dâm cho cả 3 người T, C, P nhưng đến thời điểm bị bắt quả tang, có 02 cặp đôi nam nữ đã thực hiện mua bán dâm là B - T và A - C. Trong đó, B - T mượn phòng của P để thực hiện trước, sau khi mua bán dâm xong thì đến lượt A - C cũng vào phòng ngủ của P để mua bán dâm. Như vậy, dù chỉ có A đứng ra thỏa thuận giao dịch nhưng bị cáo đã chứa hai đôi mua bán dâm khác nhau và việc mua bán dâm diễn ra theo trình tự trước sau từng đôi, không diễn ra trong cùng một khoảng thời gian mà cách nhau khoảng 05 phút nên căn cứ vào điểm 4.1 khoản 4 của Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật hình sự là không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được HĐXX chấp nhận. Căn cứ Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự HĐXX xét xử hành vi của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là “phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 254 Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn, hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. HĐXX sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhân thân tốt nên HĐXX xét thấy cần thiết áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để xét xử bị cáo dưới mức thấp nhất khung hình phạt cũng đủ để giáo dục bị cáo, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

Đối với Phạm Thị Bích P có hành vi điện thoại kêu Nguyễn Thị C đến quán bán dâm nhưng mục đích nhằm chứa mại dâm nên cơ quan CSĐT không xử lý thêm về tội “Môi giới mại dâm” theo Điều 255 Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định pháp luật.

* Về xử lý vật chứng:

+ Đối với số tiền 1.100.000 đồng đã thu giữ của bị cáo P, trong đó có 600.000 đồng là tiền A trả cho bị cáo và T để mua bán dâm và 100.000 đồng

tiền bị cáo được A trả huê hồng (tiền boa) nên theo quy định sẽ bị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền 300.000 đồng đã thu giữ của Nguyễn Thị C, đây là tiền C được trả từ việc mua bán dâm với A nên sẽ bị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Đối với số tiền 100.000 đồng đã thu giữ của Phạm Thị Bích T, đây là tiền T được A trả huê hồng (tiền boa) từ việc gọi tiếp viên nên sẽ bị tịch thu sung quỹ nhà nước.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone cùng sim số 01657442118 của Nguyễn Thị C, đây là điện thoại C dùng liên lạc với bị cáo nhưng lúc đầu bị cáo chỉ đặt vấn đề tiếp khách nhậu, không liên quan đến việc thực hiện hành vi mua bán dâm nên sẽ được trả lại cho C.

+ Đối với 400.000 đồng trong tổng số tiền 1.100.000 đồng đã thu giữ của bị cáo, đây là tiền mà A đã trả cho bị cáo để thanh toán tiền nhậu, không liên quan đến vụ án, lẽ ra theo quy định sẽ được trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo còn PH thì hành án phí nên số tiền này sẽ được tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen cùng 02 sim số 01655952438 và 0869106469 của bị cáo, do không liên quan đến vụ án nên sẽ được trả lại cho bị cáo.

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu VIVO cùng sim số 0903086490 của Phạm Thị Bích T, do khi bị cáo mượn điện thoại cho C không có nói rõ việc gọi C đến để mua bán dâm cho T biết nên chiếc điện thoại này sẽ được trả lại cho chị T.

+ Đối với 02 vỏ bao cao su đã xé hiệu SURE, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 bao cao su còn nguyên hiệu SURE, có liên quan đến vụ án nên sẽ bị tịch thu tiêu hủy

+ Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55G800689, do không liên quan đến vụ án nên sẽ được trả lại cho bị cáo

* Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị Bích P** phạm tội “*Chứa mại dâm*”.

1. Áp dụng Điều 196 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm c khoản 2 Điều 254; điểm g, p khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Bích P **02 (Hai)** năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 41, 42 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 700.000 (Bảy trăm nghìn) đồng trong tổng số 1.100.000 (Một triệu một trăm nghìn) đồng đã thu giữ của bị cáo. Trả lại cho bị cáo số tiền 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng đã thu giữ của bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Theo biên lai thu tiền số 0005173 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã thu giữ của Nguyễn Thị C theo biên lai thu tiền số 0005175 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước 100.000 (Một trăm nghìn) đồng đã thu giữ của Phạm Thị Bích T theo biên lai thu tiền số 0005174 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen cùng 02 sim số 01655952438 và 0869106469.

+ Trả lại cho Phạm Thị Bích T 01 điện thoại di động hiệu VIVO cùng sim số 0903086490.

+ Trả lại cho Nguyễn Thị C 01 điện thoại di động hiệu Iphone cùng sim số 01657442118.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su đã xé hiệu SURE, 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 bao cao su còn nguyên hiệu SURE.

+ Trả lại cho bị cáo 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 55G800689

(Theo phiếu nhập kho số NKTV02 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội, Buộc bị cáo Phạm Thị Bích P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

*** Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng